

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BA BÍCH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /UBND
V/v triển khai Thông tư số
66/2023/TT-BCA, ngày
15/5/2023 của Bộ trưởng
Bộ Công an trên địa bàn xã

Ba Bích, ngày tháng 4 năm 2024

Kính gửi:

- Các ngành, hội đoàn thể;
- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã;
- Thôn trưởng các thôn.

Thực hiện Công văn số 552/UBND, ngày 26/3/2024 của Chủ tịch UBND huyện Ba Tư về việc triển khai Thông tư số 66/2023/TT-BCA, ngày 15/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Công an trên địa bàn tỉnh (về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 55/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú; Thông tư số 56/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 quy định về biểu mẫu trong đăng ký, quản lý cư trú; Thông tư số 57/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký cư trú, có hiệu lực từ ngày 01/01/2024). Để triển khai thực hiện Thông tư số 66/2023/TT-BCA đảm bảo thống nhất, đồng bộ, hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi, giảm phiền hà cho công dân trong thực hiện các thủ tục hành chính, giao dịch dân sự và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, Chủ tịch ủy ban nhân dân xã yêu cầu:

1. Tổ chức nghiên cứu và quán triệt nội dung Thông tư số 66/2023/TT-BCA, ngày 15/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Công an đã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Bộ Công an đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo phạm vi quản lý; Quan tâm phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho lực lượng Công an trong triển khai thực hiện Thông tư số 66/2023/TT-BCA

2. Công chức Văn hóa – xã hội phối hợp với Công an xã xây dựng tin bài, thực hiện tốt công tác tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử, Trang facebook địa phương và hệ thống truyền thanh cấp xã về nội dung của Thông tư số 66/2023/TT-BCA để Nhân dân nắm, thực hiện.

3. Công an xã tổ chức quán triệt những nội dung mới quy định tại Thông tư số 66/2023/TT-BCA cho cán bộ, chiến sỹ làm công tác đăng ký quản lý cư trú; quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về cư trú, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Phối hợp với Văn hóa – Xã hội xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến công khai trên các phương tiện thông tin truyền thông, tại trụ sở tiếp dân của cơ quan đăng ký cư trú về những điểm mới của Thông tư số 66/2023/TT-BCA. Đồng thời, kịp thời giải quyết những kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân liên quan đến cư trú, quản lý cư trú theo quy định của pháp luật.

4. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả một cửa niêm yết công khai và chuẩn bị biểu mẫu có liên quan đến Thông tư 66 tại bộ phận một cửa. Đồng thời sử dụng các phương thức sử dụng thông tin công dân thay việc xuất trình Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú, Giấy xác nhận thông tin cư trú khi thực hiện thủ tục hành chính, giao dịch dân sự (Đã được Công an xã Ba Bích Thông báo số 01-TB/CAX, ngày 06/01/2023 Về việc khai thác, sử dụng thông tin công dân thay cho việc xuất trình Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công).

5. Công chức địa chính tiếp tục thực hiện việc xác nhận các loại giấy tờ xác nhận chỗ ở hợp pháp (được quy định tại Điều 5 Nghị định 62/2021/NĐ-CP ngày 29/6/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều Luật Cư trú), giấy tờ xác nhận đủ điều kiện diện tích nhà ở đăng ký thường trú (được quy định tại Điều 3 Nghị quyết 28/2021/NQ-HĐND ngày 17/11/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy định diện tích nhà ở tối thiểu để được đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi) và giấy xác nhận các điều kiện để đăng ký thường trú cho công dân theo định của Luật Cư trú năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

6. Công chức Tư pháp – Hộ tịch tiếp tục thực hiện bổ sung, cải chính thông tin công dân, khai sinh, khai tử, giấy tờ chứng minh quan hệ nhân thân theo đúng quy định của pháp luật.

Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, thôn trưởng, cán bộ, công chức triển khai thực hiện nghiêm túc. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo UBND xã (qua Công an xã) để được hướng dẫn, chỉ đạo giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND xã;
- Đội QLHC về TTXH;
- Công an xã;
- Thôn trưởng 5 thôn;
- Cán bộ, Công chức;
- Lưu VP-TK.

**T/M UBND XÃ
CHỦ TỊCH**

Phạm Văn Lương

PHỤ LỤC

Các phương thức sử dụng thông tin công dân thay việc xuất trình Số hộ khẩu, Sổ tạm trú khi thực hiện thủ tục hành chính, giao dịch dân sự (Ban hành kèm theo Công văn số 31/UBND, ngày 02/04/2024 của UBND xã Ba Bích)

1. Sử dụng thẻ căn cước công dân gắn chip điện tử là giấy tờ pháp lý chứng minh thông tin về cá nhân, nơi thường trú khi thực hiện thủ tục hành chính, giao dịch dân sự

- *Đối với công dân:* thực hiện thủ tục để được cấp thẻ Căn cước công dân. Như vậy, người dân có thể sử dụng thẻ căn cước công dân gắn chip là một loại giấy tờ pháp lý chứng minh thông tin cá nhân, nơi thường trú khi thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công.

- *Đối với Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính:* không được yêu cầu công dân xuất trình thêm các giấy tờ khác chứng nhận các thông tin đã có trên thẻ căn cước công dân gắn chip khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

Các thông tin trên mặt thẻ Căn cước công dân, gồm: Số Căn cước công dân (chính là số định danh cá nhân); Ảnh chân dung; Họ, chữ đệm và tên khai sinh; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính; Quốc tịch; Quê quán; Nơi thường trú; Ngày, tháng, năm hết hạn; Đặc điểm nhân dạng; Vân tay; Ngày, tháng, năm cấp thẻ; Họ, chữ đệm và tên, chức danh, chữ ký của người cấp thẻ.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thiết bị đầu đọc mã QRcode trên thẻ Căn cước công dân đã được kết nối trực tuyến với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để khai thác, sử dụng thông tin về cư trú khi giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

Đối với Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính: khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cơ quan có thẩm quyền, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công sử dụng thiết bị đọc mã QRcode trên thẻ căn cước công dân (theo tiêu chuẩn do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành tại Quyết định số 46/QĐ-TTDT ngày 18/01/2022 ban hành hướng dẫn yêu cầu kỹ thuật cơ bản đối với thiết bị đọc mã QRCode) để ghi nhận và lưu trữ thông tin công dân được hiển thị trên thiết bị trong hồ sơ thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh, **không được yêu cầu công dân xuất trình thêm các giấy tờ khác chứng nhận các thông tin đã có trên thẻ căn cước công dân gắn chip khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.**

Các thông tin trong mã QRCode được hiển thị trên thiết bị đọc mã QRCode gồm: Số CCCD; số CMND 9 số; Họ và tên; Ngày sinh; Giới tính; Nơi thường trú; Ngày cấp CCCD.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thiết bị đầu đọc chip trên thẻ Căn cước công dân đã được kết nối trực tuyến với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để khai thác, sử dụng thông tin về cư trú khi giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

Đối với Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính: khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cơ quan có thẩm quyền, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công sử dụng thiết bị đọc chip trên thẻ căn cước công dân (theo tiêu chuẩn ICAO) để ghi nhận và lưu trữ thông tin công dân được hiển thị trên thiết bị trong hồ sơ thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh, **không được yêu cầu công dân xuất trình thêm các giấy tờ khác chứng nhận các thông tin đã có trên thẻ căn cước công dân gắn chip khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.**

Các thông tin trong chip điện tử được hiển thị trên thiết bị đọc chip gồm: Họ, chữ đệm và tên khai sinh; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính; Quê quán; Dân tộc; Tôn giáo; Quốc tịch; Nơi thường trú; Họ, chữ đệm và tên của cha, mẹ, vợ hoặc chồng; Số chứng minh đã được cấp; Ngày cấp; Ngày hết hạn (của thẻ CCCD); Đặc điểm nhận dạng; Ảnh chân dung; Trích chọn vân tay; Số thẻ Căn cước công dân (số định danh cá nhân).

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tra cứu, khai thác thông tin cá nhân qua chức năng của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh đã được kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia để khai thác, sử dụng thông tin về cư trú khi giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

Đối với Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính: khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cơ quan có thẩm quyền, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm thực hiện **tra cứu, khai thác thông tin của người nộp hồ sơ qua chức năng của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh đã được kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư**

Đối với công dân: Trường hợp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính chưa kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, thì yêu cầu công dân tra cứu, khai thác thông tin cá nhân của mình qua cổng dịch vụ công quốc gia để ghi nhận và lưu trữ thông tin về cư trú trong hồ sơ thủ tục hành chính. Công dân tra cứu, khai thác thông tin cá nhân của mình theo các bước sau:

Bước 1: Công dân truy cập Cổng dịch vụ công theo địa chỉ: <https://dichvucong.dancuquocgia.gov.vn>

Bước 2: Đăng nhập tài khoản/ mật khẩu truy cập (sử dụng tài khoản Cổng DVC quốc gia); xác thực nhập mã OTP được hệ thống gửi về điện thoại.

Bước 3: Tại trang chủ, truy cập vào chức năng “Thông tin công dân” và nhập các thông tin theo yêu cầu: Họ và tên, số định danh cá nhân, ngày sinh, số điện thoại, mã xác nhận. Sau đó, nhấn Tìm kiếm.

Thông tin cơ bản công dân sẽ hiện thị trên màn hình gồm: Họ, chữ đệm và tên khai sinh; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính; Nơi đăng ký khai sinh; Quê quán; Nơi thường trú; Số định danh cá nhân; Số chứng minh nhân dân. Ấn vào mục “Xem chi tiết” để xem thông tin cá nhân cụ thể hoặc thông tin trong hộ gia đình.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể tra cứu thông tin cá nhân thông qua tài khoản định danh điện tử của công dân được hiển thị trong ứng dụng VNeID để sử dụng thông tin về cư trú khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

- *Đối với công dân:* Để được đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ 2, công dân thực hiện như sau:

Bước 1: Công dân đến cơ quan Công an đăng ký tài khoản mức 2; thực hiện cài đặt ứng dụng VNeID; thực hiện kích hoạt tài khoản trên thiết bị di động khi nhận được tin nhắn thông báo đăng ký tài khoản thành công theo các bước trong ứng dụng VnEID.

Bước 2: Sau khi được kích hoạt, việc sử dụng tài khoản định danh điện tử như sau:

Công dân thực hiện đăng nhập một lần trên cổng dịch vụ công quốc gia (liên thông với cổng dịch vụ công của các Bộ, ngành, địa phương) với tên tài khoản là số định danh cá nhân và mật khẩu để thực hiện các dịch vụ công trực tuyến. Tùy từng dịch vụ công trực tuyến, thông tin của công dân sẽ được điền vào biểu mẫu điện tử (Form), người dân không phải điền và không sửa được thông tin. Công dân sử dụng tài khoản, mật khẩu đăng nhập ứng dụng VNeID trên thiết bị di động để hiển thị các thông tin căn cước công dân, thông tin dân cư được tích hợp trên ứng dụng VNeID.

- *Đối với Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính:* khi công dân tra cứu, xuất trình thông tin cá nhân, nơi thường trú hiển thị trên ứng dụng VNeID, cơ quan có thẩm quyền, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính ghi nhận và lưu trữ thông tin này trong hồ sơ thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh, **không được yêu cầu công dân xuất trình thêm các giấy tờ khác chứng nhận các thông tin đã có trên ứng dụng VNeID khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.**

Các thông tin hiển thị trên ứng dụng VNeID gồm: Số CCCD; Họ và tên; Ngày sinh; Giới tính; Quốc tịch; Quê quán; Nơi thường trú; CCCD có giá trị đến; Đặc điểm nhận dạng; Ngày cấp, Số điện thoại.

6. Sử dụng giấy Xác nhận thông tin về cư trú để chứng minh thông tin cá nhân, nơi cư trú khi không thể khai thác, sử dụng được thông tin cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

Đối với công dân: Để được cấp giấy xác nhận thông tin về cư trú, công dân có thể trực tiếp đến cơ quan đăng ký cư trú trong cả nước để đề nghị cấp giấy xác nhận thông tin về cư trú hoặc gửi yêu cầu xác nhận thông tin về cư trú qua dịch vụ công trực tuyến khi cần thiết. Cơ quan đăng ký cư trú sẽ cấp giấy xác nhận thông tin về cư trú cho công dân dưới hình thức văn bản hoặc văn bản điện tử theo yêu cầu của công dân.

- *Đối với Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính:* Khi công dân xuất trình bản sao hoặc xuất trình giấy xác nhận thông tin về cư trú thì không được yêu cầu công dân xuất trình thêm các giấy tờ khác chứng nhận các thông tin đã có trên giấy xác nhận thông tin về cư trú khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

Mẫu giấy Xác nhận thông tin về cư trú (mẫu CT07 ban hành kèm Thông tư số 56/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an) gồm các thông tin, cụ thể: Số định danh cá nhân; Họ, chữ đệm và tên khai sinh; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính; Quê quán; Dân tộc; Tôn giáo; Quốc tịch; Nơi thường trú; Nơi tạm trú; Nơi ở hiện tại; Họ tên chủ hộ, số định danh chủ hộ và Quan hệ với chủ hộ; Họ, chữ đệm và tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, số định danh cá nhân của các thành viên hộ gia đình và quan hệ với chủ hộ.

7. Sử dụng giấy Thông báo số định danh cá nhân và thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để chứng minh thông tin cá nhân, nơi cư trú khi không thể khai thác, sử dụng được thông tin cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

Hiện nay, Công an xã đã cấp Thông báo số định danh và thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho người dân chưa được cấp CCCD để người dân sử dụng giải quyết các thủ tục hành chính, các giao dịch dân sự cần chứng minh nơi cư trú của công dân.

Như vậy, khi công dân xuất trình bản sao hoặc giấy Thông báo số định danh cá nhân thì không được yêu cầu công dân xuất trình thêm các giấy tờ chứng minh thông tin cá nhân khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

Các thông tin trên Thông báo số định danh cá nhân: Họ, chữ đệm và tên khai sinh; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính; Nơi đăng ký khai sinh; Quê quán; Dân tộc; Tôn giáo; Quốc tịch; Tình trạng hôn nhân; Nơi thường trú; Nơi ở hiện tại; Quan hệ với chủ hộ; Nhóm máu; Họ, chữ đệm và tên, của cha, mẹ; Số định danh cá nhân.